

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023
của Sở Xây dựng tỉnh Kiên Giang**

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Xây dựng Kiên Giang.

Căn cứ Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

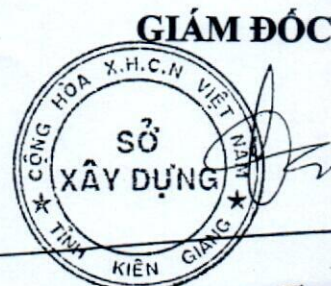
Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu - chi ngân sách năm 2023 của Sở Xây dựng tỉnh Kiên Giang (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Chánh văn phòng Sở Xây dựng, trưởng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Ban giám đốc sở;
- Lưu: VT, ntthang.



Hà Văn Thanh Khương

Đơn vị: Sở Xây dựng Kiên Giang
Chương 418



CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 212 /QĐ-SXD ngày 30 / 12 /năm 2022 của
Sở Xây dựng tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng thu	7.297.000.000
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.297.000.000
I	Chi quản lý hành chính	6.855.000.000
1	Kinh phí giao tự chủ	6.459.000.000
	- Chi con người	4.988.000.000
	- Chi công việc	1.471.000.000
2	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	0
3	Kinh phí hành chính đặc thù	0
4	Kinh phí hành chính không thực hiện chế độ tự chủ	396.000.000
II	Kinh phí sự nghiệp kinh tế	442.000.000
1	Kinh phí sự nghiệp kinh tế không giao tự chủ	427.000.000
2	Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ không giao tự chủ.	15.000.000

